

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HỌC KỲ 2/2024-2025
CÁC CTĐT BẬC ĐẠI HỌC

TT	MSV	CTĐT	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25	Tổng	Chưa nộp 27.5 (cột 27)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)	Đề nghị ngày 27/5
1	21025063	CH	K28.CH.KHMT	0		2.301.000	2.301.000		Cấm thi/BC tiến độ
2	21025075	CH	K28.CH.KHMT	10.875.000		0	10.875.000	Chưa nộp K1/2024-2025	Cấm thi/BC tiến độ
3	21025089	CH	K28.CH.KHMT	10.875.000		0	10.875.000		Cấm thi/BC tiến độ
4	22025002	CH	K29.CH.KHMT	0		3.228.000	3.228.000		Cấm thi/BC tiến độ
5	22025024	CH	K29.CH.HTTT	18.003.000		3.228.000	21.231.000	Chưa nộp K1/2023-2024	Cấm thi/BC tiến độ
6	22025034	CH	K29.CH.KHMT	16.500.000		0	16.500.000	Chưa nộp K1/2023-2024	Cấm thi/BC tiến độ
7	22025046	CH	K29.CH.KHMT	16.500.000		0	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
8	23025016	CH	K30.CH.KHMT	0		16.500.000	16.500.000	Chưa nộp K2/2023-2024	Cấm thi/BC tiến độ
9	23025052	CH	K30.CH.KHMT	0		16.500.000	16.500.000	Chưa nộp K1/2024-2025	Cấm thi/BC tiến độ
10	23025056	CH	K30.CH.KHMT	0		16.500.000	16.500.000	Chưa nộp K1/2024-2025	Cấm thi/BC tiến độ
11	23025067	CH	K30.CH.KHMT	16.500.000		0	16.500.000	Chưa nộp K1/2024-2025	Cấm thi/BC tiến độ
12	23025073	CH	K30.CH.KHMT	0		16.500.000	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
13	23025074	CH	K30.CH.KHMT	16.500.000		0	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
14	23025087	CH	K30.CH.KHMT	0		16.500.000	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
15	23025103	CH	K30.CH.KTPM	0		16.500.000	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
16	23025120	CH	K30.CH.KTVT	16.500.000		0	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
17	24025022	CH	K31.CH.KHMT	0		16.500.000	16.500.000	Chưa nộp K1/2024-2025	Cấm thi/BC tiến độ
18	24025030	CH	K31.CH.KHMT	0		16.500.000	8.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
19	24025048	CH	K31.CH.MMT	0		16.500.000	16.500.000	Chưa nộp K1/2024-2025	Cấm thi/BC tiến độ
20	24025073	CH	K31.CH.KTĐT	0		16.500.000	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
21	24025095	CH	K31.CH.HTTT	0		16.500.000	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
22	24025102	CH	K31.CH.HTTT	0		16.500.000	16.500.000	Chưa nộp K1/2024-2025	Cấm thi/BC tiến độ
23	24025118	CH	K31.CH.KHMT	0		16.500.000	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
24	24025156	CH	K31.CH.KHMT	0		16.500.000	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
25	24025157	CH	K31.CH.KHMT	0		16.500.000	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
26	24025214	CH	K31.CH.KTĐT	0		16.500.000	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
27	24025233	CH	K31.CH.VLKT	0		16.500.000	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
28	24025238	CH	K31.CH.HTTT	0		16.500.000	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ
29	24025246	CH	K31.CH.KTPM	0		16.500.000	16.500.000		Cấm thi/BC tiến độ

TT	MSV	CTĐT	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25	Tổng	Chưa nộp 27.5 (cột 27)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)	Đề nghị ngày 27/5
30	20028004	NS	K27.TS.HTTT	0		9.000.000	9.000.000		Cấm thi/BC tiến độ
31	20028010	NS	K27.TS.KHMT	9.000.000		0	9.000.000		Cấm thi/BC tiến độ
32	20028014	NS	K27.TS.KTĐT	0		9.000.000	9.000.000		Cấm thi/BC tiến độ
33	22027009	NS	K29.TS.KTĐT	20.000.000		20.000.000	40.000.000		Cấm thi/BC tiến độ
34	22027010	NS	K29.TS.KTXD	0		20.000.000	20.000.000		Cấm thi/BC tiến độ
35	22028003	NS	K29.TS.KTĐT	0		20.000.000	20.000.000		Cấm thi/BC tiến độ
36	24028004	NS	K31.TS.KTĐT	0		20.000.000	20.000.000		Cấm thi/BC tiến độ